

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC ĐỒNG

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện phong trào “Hành
động vì nhà trường Xanh - Sạch - Đẹp -
Văn minh - An toàn” năm 2024**

Tháng 10 năm 2024

Số: 44/BC-THPD

Phúc Đồng, ngày 12 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn” năm 2024

Thực hiện kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 04/3/2024 của Ủy ban nhân dân quận Long Biên về việc triển khai thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn” trong các trường MN, TH, THCS trên địa bàn quận Long Biên năm 2024;

Thực hiện chỉ đạo của Phòng giáo dục và đào tạo quận Long Biên, đề báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn” năm 2024, trường Tiểu học Phúc Đồng báo cáo việc thực hiện các nội dung sau:

I. Đặc điểm tình hình nhà trường:

1. Đội ngũ CBGVNV-HS:

- CB, GV, NV: 57 đồng chí
- Học sinh: 1090 em/30 lớp

2. Cơ sở vật chất nhà trường:

- Tổng diện tích khuôn viên đất: 7809 m²
- Tổng diện tích đất và các sàn xây dựng tính từ tầng 2 trở lên: 4346 m²
- Diện tích đất sân chơi, bãi tập: 5245 m²
- Trường có 30 phòng học, 10 phòng bộ môn và các phòng chức năng khác.

3. Thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường “xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn” năm 2024

3.1. Thuận lợi

- Nhà trường được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, ban ngành, đoàn thể cũng như nhân dân địa phương trong việc thực hiện phong “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn”.
- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chi tiết giúp cho nhà trường triển khai thực hiện dễ dàng.
- Việc triển khai thực hiện phong trào nhận được sự đồng thuận của Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh.

3.2. Khó khăn

- Trình độ dân trí của nhân dân địa phương không đồng đều, còn nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Sân trường ít cây xanh nên việc tổ chức các hoạt động tập thể vào những hôm thời tiết nắng còn gặp khó khăn.

II. Kết quả thực hiện:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền:

- Thành lập Ban Chỉ đạo; Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện:

+ Nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 13/KH-THPĐ ngày 13/3/2024 về việc triển khai thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn” năm 2024 và Ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện phong trào số 31/QĐ-THPĐ ngày 11/3/2024, phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm; xây dựng kế hoạch thực hiện bám sát kế hoạch của Quận ủy, hướng dẫn của PGD&ĐT và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

+ Xây dựng lịch tự kiểm tra và tổ chức kiểm tra tại nhà trường: kiểm tra, giám sát thường xuyên 1 lần/tháng. Sau kiểm tra các nội dung còn tồn tại đã được các bộ phận khắc phục kịp thời.

- Công tác tuyên truyền:

+ Số lượng tin, bài đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của nhà trường về những hình ảnh, việc làm đẹp của CB, GV, NV, PH, HS nhà trường: khung cảnh sư phạm, nội dung tuyên truyền, hoạt động bảo vệ môi trường, góc sáng tạo của HS....Tổng số: 83 bài. Trường mở chuyên mục riêng: Trường học xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn.

+ Số buổi trường đã thực hiện tuyên truyền, số lượt người dự, nội dung tuyên truyền, hình thức tuyên truyền:

TT	Nội dung	Hình thức	Số lượt người dự
1.	Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh-sạch-đẹp-văn minh-an toàn” năm 2024 của UBND quận, Phòng GD&ĐT và của trường.	Tuyên truyền thông qua cuộc họp HĐSP tháng 4/2024, họp CMHS cuối năm 2023-2024 và đầu năm 2024-2025, tiết Chào cờ, Sinh hoạt lớp tuần 1, tháng 4/2024, tuần 2 tháng 9/2024 tại các lớp học.	57 CBGVNV, 1090 HS và PHHS toàn trường
2.	Tuyên truyền về việc thực hiện văn hoá “Khoanh tay-cúi chào- mỉm cười” trong	- Tuyên truyền trong tiết Chào cờ tuần 1, tháng 9/2024. Duy trì hàng ngày,	57 CBGVNV, 1090 HS

	và ngoài nhà trường.	hàng tuần.	
3.	Thực hiện “Quy tắc ứng xử nơi công cộng” trên địa bàn thành phố Hà Nội, “Quy tắc ứng xử của cán bộ công chức, viên chức, người lao động” trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội và Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.	Tuyên truyền thông qua cuộc họp HĐSP hàng tháng.	57 CBGVNV
4.	Luật Giao thông đường bộ, Cách đội mũ bảo hiểm đúng cách, Tham gia giao thông an toàn, Văn hóa ứng xử khi tham gia giao thông.	-Tuyên truyền qua việc tổ chức “Thi rung chuông vàng”, sân khấu hoá tìm hiểu kiến thức về ATGT trong giờ chào cờ, tiết Sinh hoạt lớp tuần 3, tháng 9/2024; Trong buổi Hưởng ứng Ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam. - 100% CBGVNV ký cam kết thực hiện luật ATGT.	56 CBGVNV và 1090 HS
5.	Tuyên truyền chủ đề “Phòng chống xâm hại ở trẻ em”.	- Cục dân số phòng y tế quận Long Biên tuyên trong tiết Chào cờ ngày 13/5/2024. Thực hiện tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hoá trong giờ chào cờ.	1090 HS
6.	Tuyên truyền Bảo vệ môi trường với chủ đề “Nói không với rác thải nhựa”, tác hại của túi nilon, đồ nhựa đối với môi trường, các biện pháp để hạn chế việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần, thay thế bằng các	- Tuyên truyền thông qua cuộc họp HĐSP. - Tuyên truyền bằng hình thức biểu diễn thời trang trong tiết Chào cờ ngày 15/1/2024.	56 CBGVNV 1090HS

	chất liệu thân thiện với môi trường.		
7.	Tuyên truyền chủ đề: Kỹ năng thoát hiểm khi bị bắt cóc; Phòng chống mua bán người; Phòng chống pháo nổ, vật nổ; Kỹ năng thoát hiểm khi bị bỏ quên trên xe ô tô.	- Tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa trong tiết Chào cờ tháng 1, 2, 5/2024	CBGVNV, 1090 HS
8.	Tuyên truyền phòng chống dịch đau mắt đỏ, sốt xuất huyết.	- Tuyên truyền trong tiết Chào cờ tuần 4, tháng 10/2024	CBGVNV, 1090 HS
9.	Tuyên truyền Truyền thông an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh và phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước.	- Tuyên truyền trong giờ chào cờ tháng 4,5,10/2024.	CBGVNV, 1090HS

+ Số buổi tham gia tập huấn, tuyên truyền do cấp trên tổ chức: 04 buổi tập huấn phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh do các cấp tổ chức, triển khai cho 100% CB, GV, NV và HS toàn trường.

- Tham gia các cuộc thi có nội dung liên quan đến phong trào: HS tích cực tham gia cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng năm 2024; Vẽ tranh Toyota - Chiếc ô tô mơ ước; Ý tưởng trẻ thơ.

- Kết quả công tác tuyên truyền: 100% CBNV và PHHS, HS trong trường hiểu sâu sắc về ý nghĩa của phong trào, thực hiện tốt các nội dung nhằm xây dựng “Nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn”.

2. Thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn”:

2.1. Đảm bảo trường học “xanh”:

- Công tác quản lí:

+ Nhà trường có các chỉ dẫn cụ thể và hình thức giám sát, khen thưởng giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia thực hiện bảo vệ môi trường với các chủ đề: Cải thiện chất lượng không, Tiết kiệm và sử dụng năng lượng, Quản lí rác thải hiệu quả, Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước, Xây dựng không gian xanh và các giải pháp môi trường khác, ...

+ Nhà trường nhận được sự tham gia tích cực của học sinh và cha mẹ học sinh trong việc xây dựng, thực hiện và giám sát thực hiện chính sách, kế hoạch bảo vệ môi trường của nhà trường.

- Cơ sở vật chất:

+ Nhà trường có thông báo về tình trạng chất lượng không khí và các biện pháp bảo vệ sức khỏe tại trường học cho giáo viên, nhân viên trong trường, học sinh và gia đình học sinh vào những ngày chất lượng không khí không tốt thông qua bảng tin, tin nhắn...

+ Nhà trường có giải pháp nhằm cải thiện chất lượng không khí: có biên quy định khu vực dừng đỗ xe và nổ máy; Vệ sinh phòng học, phòng làm việc sạch sẽ, đảm bảo thoáng mát; Tăng cường không gian xanh trong và xung quanh trường học như cây xanh, khu vườn trường.

+ Nhà trường có các giải pháp nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện như hệ thống đèn, quạt, máy lạnh...; Thường xuyên vệ sinh, bảo trì các thiết bị điện; Có các giải pháp/thiết bị khác như hệ thống thông thoáng, lấy gió, lấy ánh sáng tự nhiên...

+ Nhà trường có các giải pháp, thiết bị nhằm quản lý rác thải hiệu quả: Thay thế các sản phẩm dùng một lần bằng các sản phẩm có thể tái sử dụng nhiều lần; Tận dụng các đồ dùng cũ, hỏng để làm thành các đồ dùng học tập, dụng cụ giảng dạy; Có bố trí hệ thống thùng chứa phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại lớp học, văn phòng, sân trường, bếp ăn, phù hợp.

+ Cập nhật thông tin về tình trạng sử dụng nước cho giáo viên, nhân viên trong trường, học sinh và gia đình học sinh.

+ Có các giải pháp/thiết bị nhằm tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Có thiết bị lọc nước và hệ thống nước sạch cho học sinh; Có sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước như vòi tiết kiệm nước, thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước; Có giải pháp tái sử dụng nước, hệ thống thoát nước chống ngập úng.

+ Có hệ thống cây xanh như cây bóng mát và biện pháp chăm sóc, bảo vệ cây xanh đảm bảo an toàn cây xanh.

+ Có các giải pháp/thiết bị bảo vệ môi trường thuộc các chủ đề khác: Tuyên truyền, vận động CBGVNV, PHHS không sử dụng chai nước đóng sẵn để giảm thải rác thải nhựa

- Giáo dục truyền thông:

- Nhà trường tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên về chủ đề môi trường thông qua nhiều hình thức như tập huấn, họp HĐGD.

- Thực hiện lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong các môn học chính khóa.

- Tổ chức hoạt động ngoại khóa về chủ đề môi trường 1 lần/ 1 học kì.

- Nhà trường có nhiều hình thức hoạt động ngoại khóa chủ đề môi trường đa dạng và hiệu quả. HS có sản phẩm thiết thực, sáng tạo.

- Thực hành xanh:

+ Nhà trường có hệ thống cây xà cừ, cây phượng trồng lâu năm (04 cây); trồng bổ sung thêm 06 cây (cây bàng Đài Loan, cây xoài,...)

- + Số lượng cây trồng mới: 110 cây.
- + Các loại cây trồng cụ thể: hoa giấy, hoa ngũ sắc, dừa cạn, cau cảnh, trạng nguyên, hoàng yến....
- + Địa điểm trồng: Sân trường, hành lang cầu thang, sau dãy nhà B, D
- + Kinh phí khoảng 15.000.000 đồng

2.2. Đảm bảo trường học “sạch”:

- Nguồn nước sạch trong nhà trường: nhà trường đảm bảo sử dụng nguồn nước sạch của công ty nước sạch Long Biên, rửa dọn bể nước chứa thường xuyên.

- GV- HS lao động vệ sinh trường, lớp: CBGVNV, học sinh toàn trường tham gia tổng vệ sinh vào chiều thứ sáu hàng tuần và vệ sinh hàng ngày vào cuối buổi học.

- Xử lý rác thải, cống rãnh, nước thải: hàng tuần, nhà trường thường xuyên tổ chức khơi thông cống rãnh, xử lý nước đọng, rác thải được thu gom cuối buổi chiều hàng ngày cho công ty môi trường. Cống rãnh có nắp đậy an toàn được rắc vôi bột đảm bảo diệt khuẩn; không có hồ nước đọng gây ô nhiễm môi trường và côn trùng sinh sản; Thường xuyên xử lý cống rãnh ngầm tránh mùi hôi, phun thuốc muỗi toàn trường phòng chống dịch bệnh.

- Số lượng nhà vệ sinh cho học sinh, việc duy trì sạch sẽ và nhân rộng mô hình “nhà vệ sinh thân thiện”: 30 nhà vệ sinh. Nhà vệ sinh thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ nước, giấy vệ sinh, xà phòng rửa tay và lối đi sạch sẽ, sàn không ướt. Hệ thống nắp cống thoát nước thải trong nhà vệ sinh dễ dàng. Các hố tiêu, hố tiểu không có mùi hôi, đáp ứng đủ cho số lượng học sinh sử dụng; có nhạc để tuyên truyền, có vẽ tranh tường ở phía ngoài.

2.3. Đảm bảo trường học “đẹp”:

- Sắp xếp các phòng học, phòng làm việc và phương tiện: được bố trí khoa học, ngăn nắp, sạch sẽ thuận lợi, hiệu quả trong tổ chức hoạt động của nhà trường, sắp xếp chỗ ngồi, bàn ghế, đồ dùng dạy học trong lớp học gàng, không để thùng rác trong lớp học.

- Các phương tiện của cán bộ - giáo viên - nhân viên, học sinh và khách đến trường được sắp xếp gọn gàng, đúng theo quy định ở nhà xe dưới tầng hầm, ở dãy nhà để xe của HS rộng rãi, có mái che.

- Các lớp học rộng rãi, thoáng mát về mùa đông, ấm vào mùa hè, được sắp xếp gọn gàng, trang trí thân thiện, sáng tạo, phát triển hứng thú cho học sinh yêu trường, yêu lớp, có ý thức giữ gìn trường lớp sạch đẹp và học tập tích cực theo tiêu chí Trường học hạnh phúc.

- Nhà trường duy trì chỉnh trang mặt tiền nhà trường với diện tích 71m² tranh tuyên truyền và bích họa với chủ đề ‘Long Biên hội tụ - khởi sắc’.

- Trồng mới, thay thế và chăm sóc cây hoa: Trồng mới 105 cây

+ Các loại cây hoa: hoa ngũ sắc, dừa cạn, tía tô cảnh, trắc bách diệp, trạng nguyên,

+ Trồng chậu đặt trên sân trường, trước và cạnh sân khấu, bồn trước cửa các lớp, treo lan can tầng 1 các dãy nhà, hành lang, chiếu nghỉ cầu thang, đặt trong khu nhà vệ sinh.

+ Kinh phí: 15.000.000 đồng.

2.4. Đảm bảo trường học “văn minh”:

- Thực hiện công văn số 20/KH-PGD&ĐT ngày 05/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Long Biên về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025, trong đó có nội dung xây dựng và thực hiện “văn hóa khoanh tay - mỉm cười - cúi chào”:

+ Ngay từ đầu năm học nhà trường đã tuyên truyền tới 100% CBGVNV, HS qua Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học, các tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, họp CMHS đầu năm học.

+ Chia sẻ những hình ảnh đẹp trong việc thực hiện của học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường, đăng công thông tin điện tử để lan tỏa hình ảnh đẹp.

+ 100% các lớp triển khai đúng hướng dẫn; 100% CBGVNV và học sinh thực hiện với cử chỉ, thái độ, động tác, lời chào... phù hợp.

- Nhà trường trang trí bằng rôn, khẩu hiệu đúng thời điểm với các nội dung mang tính giáo dục cao, phù hợp với văn hóa giáo dục của địa phương ở các vị trí trung tâm, mặt tiền của trường.

- Số lớp học và các phòng bộ môn, phòng chức năng; số bóng điện chiếu sáng hiện có / tổng số bóng theo quy định; số bộ bàn ghế hiện có / tổng số bộ theo quy định:

Số lớp học: 30

Số phòng bộ môn, phòng chức năng: 10

Số bóng điện chiếu sáng hiện có / tổng số bóng theo quy định: 352/312

Số bộ bàn ghế hiện có / tổng số bộ theo quy định: 750/552

- Rà soát, hoàn thiện, ban hành và triển khai bộ quy tắc ứng xử theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Thành phố Hà Nội:

- Việc thực hiện bộ quy tắc ứng xử theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của thành phố Hà Nội; các chuẩn mực văn hóa, hệ giá trị cốt lõi để sử dụng tại nhà trường (theo kế hoạch 335/KH-UBND ngày 25/9/2020 của UBND quận Long Biên về thực hiện đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2020-2025”:

+ CBGVNV, HS nhà trường được tuyên truyền, phổ biến, học tập các vấn đề liên quan văn hóa ứng xử, môi trường văn hóa trong gia đình, nhà trường và cộng đồng.

+ Trường học đạt tiêu chí “Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích”.

+ Trường được công nhận “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” nhiều năm liên tục.

- Thực hiện “Quy tắc ứng xử nơi công cộng” trên địa bàn thành phố Hà Nội (ban hành theo quyết định 1665/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội)

+ Giáo viên hiểu và chia sẻ với hoàn cảnh của học sinh, quan tâm, gần gũi, giúp đỡ gần gũi các em, thường xuyên sử dụng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh. Học sinh với học sinh đoàn kết, không phân biệt giới tính, dân tộc, hoàn cảnh. CBGVNV ứng xử lịch thiệp, thân thiện, nhã nhặn, đúng mực. Không khí học tập, giảng dạy thân thiện; mọi thành viên trong trường học, lớp học được yêu thương, được tôn trọng và được đảm bảo an toàn.

+ CBGVNV, HS tự giác chấp hành luật giao thông, có thái độ hành vi ứng xử văn minh thân thiện khi tham gia giao thông.

- Việc thực hiện “Quy tắc ứng xử của cán bộ công chức, viên chức, người lao động” trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND thành phố Hà Nội) và Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên:

+ Trang phục của CBGVNV, HS gọn gàng, lịch sự, màu sắc hài hòa. CBGVNV mặc đồng phục vào thứ hai, thứ sáu hàng tuần. Đồng phục học sinh được mặc trong tuần, theo mùa được CMHS đồng tình ủng hộ.

+ Nhà trường thực hiện không hút thuốc lá tại cơ quan, phòng làm việc, tuyên truyền đến CMHS không hút thuốc lá khi đến trường.

+ CBGVNV nhà trường không có hành vi quấy rối người khác dưới mọi hình thức (lời nói, hành động, cử chỉ, tin nhắn, môi trường mạng...). Không tham gia, xúi giục, kích động hoặc bao che các hành vi vi phạm pháp luật của người khác.

+ Giao tiếp, làm việc với người dân bằng thái độ niềm nở, tận tình, trách nhiệm; không gây căng thẳng, bức xúc, dọa nạt người dân.

+ Nghiêm túc nhận lỗi, nhận khuyết điểm, thành khẩn tự phê bình, rút kinh nghiệm khi để xảy ra sai sót.

2.5. Xây dựng “trường học an toàn”

* Về môi trường nhà trường và phát triển cá nhân

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBGVNV, học sinh nhà trường. Đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần cho học sinh và CBGVNV khi học tập và tham gia các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; không xảy ra các hiện tượng vi phạm đạo đức nhà giáo và bạo lực học đường.

- Phòng học, phòng làm việc, khu vệ sinh, nhà ăn, nhà thể chất, sân chơi, thư viện,... đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn theo quy định; tạo dựng được môi trường xanh - sạch - đẹp, thân thiện, cởi mở.

- Toàn bộ lan can đã được gia cố cao thêm 40cm đảm bảo an toàn cho HS. Bổ sung hệ thống rào chắn ở khoảng trống tay vịn cầu thang giữa các tầng.

- Duy trì bầu không khí học tập, làm việc ấm áp và thân thiện; mọi thành viên trong nhà trường đều được yêu thương, được tôn trọng, được hiểu, được có giá trị và được đảm bảo an toàn.

- CBGVNV thường xuyên sử dụng các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực. Chú trọng phát huy vai trò của công tác tư vấn học đường, có phòng tư vấn học đường.

- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo dinh dưỡng tốt cho học sinh và CBGVNV trong những tháng học sinh được đến trường.

- Tạo cơ hội để mỗi học sinh và mỗi CBGVNV đều được phát triển tối đa tiềm năng của bản thân, không ai bị bỏ lại, tất cả đều thay đổi và tiến bộ.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, nội dung đối thoại tại cơ sở giáo dục.

* Về dạy và học:

- CBGVNV luôn làm gương cho học sinh trong mọi hoạt động giáo dục, hoạt động dạy và học.

- Thực hiện phân công nhiệm vụ cho CBGVNV và HS một cách công bằng, hợp lí, phù hợp với điều kiện, năng lực cá nhân.

- Mọi hoạt động liên quan đến dạy và học, đến công tác quản lí đều được bàn bạc, cởi mở, lắng nghe, thấu hiểu và đối thoại tích cực. Khắc phục triệt để cách quản lí và tương tác mang tính áp đặt, gây căng thẳng cho học sinh và CBGVNV trong nhà trường.

- Thực hiện đúng tiến độ kế hoạch tổ chức các chuyên đề chuyên môn của trường: 01 chuyên đề cấp quận, 06 chuyên đề chuyên sâu về đổi mới phương pháp dạy học cấp trường (tính đến thời điểm báo cáo). Tổ chức thành công Hội thi GVG cấp trường.

- Giáo viên luôn tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, ứng dụng CNTT vào 100% các tiết chuyên đề, hội giảng, thi GVG, 90% các tiết học hàng ngày. Sử dụng tốt các kĩ thuật, phương tiện dạy học trực tuyến, sẵn sàng phương án dạy học trực tuyến khi cần thiết.

- Nội dung dạy học hấp dẫn và lôi cuốn học sinh.

- Bài tập ôn tập, kiểm tra vừa sức, không gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe, thể chất và tâm lí của học sinh. Thực hiện đúng các quy định về giao bài tập về nhà và kiểm tra, đánh giá HS.

- Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tạo hứng thú, phù hợp, thấu hiểu và chấp nhận sự khác biệt tâm lý, thể chất, hoàn cảnh của mỗi học sinh.

- Học sinh và CBGVNV được phản hồi, sáng tạo và gắn kết; được chủ động thể hiện quan điểm, ý tưởng, thói quen làm việc nhóm và hợp tác.

- Tạo điều kiện tốt nhất để CBGV NV và học sinh có cơ hội phát triển, thể hiện và khẳng định năng lực, giá trị bản thân.

- Thành lập và duy trì 06 nhóm "Nhà giáo cùng nhau phát triển" ngay từ các tổ chuyên môn để GV có thể hỗ trợ nhau khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đặc biệt tập trung hỗ trợ GV trẻ, GV mới chuyển khối.

- Tổ chức hiệu quả các hoạt động ngoại khóa giáo dục nếp sống thanh lịch - văn minh, kỹ năng sống, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường... phù hợp mục tiêu giáo dục trong các HĐNGLL, HĐTT, tham quan ngoại khóa 02 lần/ 1 năm học.

- CBGVNV tự chăm sóc bản thân về sức khỏe tâm lý và thể chất cho bản thân, tự trang bị cho mình và thực hành được các giá trị sống, kỹ năng sống phù hợp với đạo đức, nhân cách nhà giáo trong môi trường giáo dục

* Về các mối quan hệ trong và ngoài trường:

- CBGVNV làm gương cho học sinh trong các mối quan hệ, trong tương tác, giao tiếp và đối thoại.

- Học sinh và CBGVNV tôn trọng, lắng nghe thấu hiểu và chủ động xây dựng được các mối quan hệ tích cực, tốt đẹp.

- Quản lý cảm xúc tiêu cực trong đối thoại, tương tác, giao tiếp và làm việc với HS, với CBGVNV.

- Học sinh và CBGVNV hợp tác, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau trong các nhiệm vụ được giao.

- Giúp đỡ, chia sẻ với học sinh và CBGVNV có nhu cầu đặc biệt, có hoàn cảnh riêng.

- Học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên rèn luyện đạo đức, tác phong, kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu công việc một cách tốt nhất.

- Cán bộ quản lý, CBGVNV lắng nghe tích cực, phản hồi mang tính xây dựng trong xử lý công việc với đồng nghiệp và học sinh.

- Phối hợp và hợp tác hiệu quả với CMHS, cộng đồng địa phương và các lực lượng liên quan trong công tác giáo dục học sinh.

III. Đánh giá việc nhân rộng và sáng tạo các mô hình:

1. Các mô hình được duy trì từ năm 2021, 2022, 2023:

- Năm 2021, 2022: Xây dựng và duy trì tốt mô hình "Nhà vệ sinh thân thiện" với lời nhắc nhở hàng ngày theo nhạc, vẽ tranh tường bên ngoài nhà vệ

sinh, trang trí bên trong nhà vệ sinh sạch sẽ, thân thiện bằng các đồ dùng đơn giản, dễ làm.

- Năm 2023 mô hình: Tranh bích họa hai bên cổng trường với chủ đề “Long Biên - 20 năm hội tụ, khởi sắc” và “Ngôi trường ước mơ”. Mô hình được đánh giá cao bởi tính thẩm mỹ và tính giáo dục. Công trình đã góp phần trang trí diện mạo, khung cảnh sư phạm của nhà trường, giúp các em HS bồi dưỡng tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước. Đặc biệt cho các em thấy được đây là nơi vun đắp, bồi dưỡng, chắp cánh cho ước mơ của các em học sinh bay cao, bay xa tới chân trời tri thức và tương lai tốt đẹp.

2. Các mô hình sáng tạo năm 2024 (nêu tên mô hình, đánh giá hiệu quả):

- Tên mô hình: Thư viện xanh

- Đánh giá hiệu quả: Nhà trường đã xây dựng mô hình Thư viện xanh ở khuôn viên sân trường gồm 3 chòi đọc sách có bàn và ghế gỗ, được trang trí đẹp mắt, trải thảm cỏ nhân tạo. Học sinh đọc sách trong tiết học thư viện, trong giờ ra chơi hoặc chờ bố mẹ đón. Mô hình Thư viện xanh góp phần tạo nên không gian mở, gần gũi, giáo dục học sinh tình yêu sách, nâng cao văn hóa đọc cho GV và HS trong nhà trường.

III. Kiến nghị, đề xuất: Không

B. Tự đánh giá kết quả thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn”:

- Nhà trường đã họp Ban chỉ đạo, tự chấm điểm theo tiêu chí đánh giá thi đua ban hành kèm theo kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 04/3/2024 của Ủy ban nhân dân quận Long Biên về việc triển khai thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn” trong các trường MN, TH, THCS trên địa bàn quận Long Biên năm 2024.

- Kết quả tự chấm điểm của nhà trường được thông qua toàn thể CBGVNV nhà trường (*bảng chấm điểm kèm theo*).

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT: (để b/c);
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Xuân Thu

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC ĐÔNG

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
Phong trào “Hành động vì nhà trường xanh – sạch – đẹp – văn minh – an toàn”
trong các trường học trên địa bàn quận Long Biên năm 2024

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Trường đánh giá	UBND Quận đánh giá	
				Điểm	Phụ trách
I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền:					
1.	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh – an toàn” (1 điểm), phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm (1 điểm). Xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp (1 điểm)	3	3		Phòng GDET
2.	Phổ biến, triển khai rộng rãi tiêu chí thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh – an toàn” đến toàn thể CBGVNV-HS và CMHS nhà trường (1 điểm)	1	1		
3.	Có lịch kiểm tra và tổ chức kiểm tra tại đơn vị, lưu biên bản (1 điểm); có biện pháp, tiến độ khắc phục những tồn tại, hạn chế (1 điểm). <i>(Không tổ chức kiểm tra đủ theo lịch hoặc không rõ biện pháp, tiến độ khắc phục tồn tại trừ 1 điểm/lần)</i>	2	2		Phòng GDET
4.	- Viết tin, bài đăng trên Cổng thông tin điện tử của các nhà trường (1 điểm); tuyên truyền phát thanh trong các giờ ra chơi hoặc cuối giờ học; tuyên truyền thông qua tổ chức Hội nghị, các tiết dạy chuyên đề; các tiết Hoạt động tập thể, treo băng rôn - khẩu hiệu...(1 điểm) - Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các buổi tập huấn phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, phòng chống dịch bệnh ... và triển khai hiệu quả tại nhà trường (1 điểm) - Tích cực tham gia các cuộc thi có nội dung liên quan đến phong trào (ví dụ: “Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng”; Chương trình bình chọn mô hình tiêu biểu về bảo vệ thiên nhiên, môi trường trong học đường; Nét đẹp văn hóa công sở...) (1 điểm)	4	4		Phòng GDET

II. Đảm bảo trường học “xanh”:

	20 điểm	19 điểm		TTPTQD + GDDT
Công tác quản lí: 5. - Có các quy định/chi dẫn cụ thể và hình thức giám sát, khen thưởng giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia thực hiện bảo vệ môi trường với các chủ đề: Cải thiện chất lượng không khí (0,25 điểm), Tiết kiệm và sử dụng năng lượng (0,25 điểm), Quản lí rác thải hiệu quả (0,25 điểm), Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước (0,25 điểm), Xây dựng không gian xanh và các giải pháp môi trường khác, ... (0,25 điểm) - Có sự tham gia của học sinh (0,25 điểm), cha mẹ học sinh (0,5 điểm) trong việc xây dựng, thực hiện và giám sát thực hiện chính sách, kế hoạch bảo vệ môi trường của nhà trường	2	2		Phòng GDDT
Cơ sở vật chất: - <i>Chú đề không khí:</i> + Có thông báo cập nhật thông tin về tình trạng chất lượng không khí và các biện pháp bảo vệ sức khỏe tại trường học cho giáo viên, nhân viên trong trường, học sinh và gia đình học sinh vào những ngày chất lượng không khí không tốt thông qua bảng tin, email, tin nhắn... (0,5 điểm) + Có giải pháp/thiết bị nhằm cải thiện chất lượng không khí: Có các giải pháp/thiết bị giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm không khí trong và quanh trường học như có biển quy định khu vực dừng đỗ xe và nô máy... (0,5 điểm); Có hệ thống làm sạch không khí trong các phòng học, phòng làm việc, vệ sinh phòng học, phòng làm việc sạch sẽ, đảm bảo thoáng mát (0,5 điểm); Tăng cường không gian xanh trong và xung quanh trường học như cây xanh, vườn trường...(0,5 điểm); Có các giải pháp/thiết bị khác (0,25 điểm) - <i>Chú đề năng lượng:</i> + Có thông báo cập nhật thông tin về tình trạng sử dụng năng lượng như điện, gas... tại trường cho giáo viên, nhân viên trong trường, học sinh và gia đình học sinh hàng tháng (0,5 điểm). + Có các giải pháp/thiết bị nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện như hệ thống đèn, quạt, máy lạnh... (0,5 điểm); Thường xuyên vệ sinh, bảo trì các thiết bị điện (0,5 điểm); Có sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió, sinh khối...(0,5 điểm); Có các giải pháp/thiết bị khác như hệ thống thông thoáng, lấy gió, lấy ánh sáng tự nhiên...(0,5 điểm). - <i>Chú đề rác thải:</i> + Có cập nhật thông tin về tình trạng phát sinh, thu gom và xử lí rác thải tại trường học cho giáo viên, nhân viên trong trường, học sinh và gia đình học sinh (0,5 điểm).	11	11		Trung tâm Phát triển Quỹ đất

+ Có các giải pháp/thiết bị nhằm quản lí rác thải hiệu quả: Thay thế các sản phẩm dùng một lần bằng các sản phẩm có thể tái sử dụng nhiều lần (0,5 điểm); Tận dụng các đồ dùng cũ, hỏng để làm thành các đồ dùng học tập, dụng cụ giảng dạy (0,5 điểm); Có bố trí hệ thống thùng chứa phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại lớp học, văn phòng, sân trường, bếp ăn, căng-tin... phù hợp với tình hình phát sinh chất thải tại trường như có thùng, hồ ủ phân hữu cơ, thu gom giấy tái chế/rác điện tử định kì...(0,5 điểm); Có các giải pháp/thiết bị khác (0,5 điểm). - <i>Chủ đề nước:</i> + Có cập nhật thông tin về tình trạng sử dụng nước cho giáo viên, nhân viên trong trường, học sinh và gia đình học sinh (0,5 điểm) + Có các giải pháp/thiết bị nhằm tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: Có thiết bị lọc nước và hệ thống nước sạch cho học sinh (0,5 điểm); Có sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước như vòi tiết kiệm nước, thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước...(0,5 điểm); Có giải pháp/thiết bị tái sử dụng nước (0,5 điểm); Có các giải pháp/thiết bị khác như sử dụng nước tẩy rửa tự nhiên, hệ thống thoát nước chống ngập úng...(0,5 điểm). - <i>Chủ đề không gian xanh và chủ đề khác (biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học...)</i> + Có hệ thống cây xanh như cây bóng mát, tiểu cảnh, vườn trường ... (0,5 điểm) và biện pháp chăm sóc, bảo vệ cây xanh đảm bảo an toàn cây xanh (0,5 điểm) + Có các giải pháp/thiết bị bảo vệ môi trường thuộc các chủ đề khác (0,25 điểm)				
Giáo dục truyền thông: - Có bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên về chủ đề môi trường thông qua nhiều hình thức như tập huấn, họp chuyên môn...(0,5 điểm) - Có lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong các môn học chính khóa (0,5 điểm) - Có tổ chức hoạt động ngoại khóa về chủ đề môi trường tối thiểu 2 lần/năm học (0,25 điểm) - Có nhiều hình thức hoạt động ngoại khóa chủ đề môi trường đa dạng và hiệu quả (0,25 điểm) - Thành lập các câu lạc bộ/nhóm giáo viên, học sinh... hoạt động về môi trường (0,25 điểm) - Câu lạc bộ/nhóm giáo viên, học sinh... tổ chức sinh hoạt đều đặn, có sản phẩm/kết quả thiết thực, sáng tạo (0,25 điểm)	3	3		Phòng GDDT
Thực hành xanh: Các nội dung thực hành xanh tạo được tác động tích cực đến môi trường, thể hiện qua các kết quả cụ thể: - Có minh chứng giảm lượng tiêu thụ năng lượng trên đầu người mỗi tháng, mỗi quý so với cùng	4	3		Trung tâm Phát triển Quỹ đất

Kì năm trước như số điện thoại/thầy/đầu người/tháng, số ngày/số km mà giáo viên, học sinh đi bộ/đi xe đạp/đi phương tiện công cộng...(1 điểm)					
- Có minh chứng giảm thiểu lượng rác thải ra môi trường như lượng rác hữu cơ được ủ thành phân bón, lượng rác tái chế được thu gom, lượng rác nhựa giảm được mà giáo viên, học sinh theo dõi và kiểm kê thường xuyên theo tháng tại gia đình hoặc trường học ... (1 điểm)					
- Có minh chứng giảm lượng tiêu thụ nước trên đầu người mỗi tháng, mỗi quý so với cùng kì năm trước như số nước tiêu thụ/đầu người/tháng... (1 điểm)					
- Có minh chứng cải thiện chất lượng không khí như tăng diện tích không gian xanh được trồng bởi học sinh, giáo viên trong khuôn viên trường và tại địa phương; số ngày/số km mà giáo viên, học sinh đi bộ/đi xe đạp/đi phương tiện công cộng... (1 điểm)					
III. Đảm bảo trường học “sạch”:					
	10 điểm	10 điểm		GDDT	
9.	Học sinh có ý thức vệ sinh các đồ dùng cá nhân (0,5 điểm); Lớp học và các phòng học bộ môn sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp (0,5 điểm); với CBGVNV: sắp xếp bàn ghế, đồ dùng, thiết bị của các phòng làm việc, phòng chức năng gọn gàng, khoa học (0,5 điểm). Tổng vệ sinh hàng tuần tại khuôn viên nhà trường (0,5 điểm). (1 lớp học chưa sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp trừ 0,5 điểm; 1 phòng làm việc chưa được sắp xếp gọn gàng, khoa học trừ 0,5 điểm).	2	2	Phòng GDDT	
10.	Xây dựng nhà vệ sinh thân thiện: Nhà vệ sinh thoáng mát, đủ ánh sáng (0,5 điểm), đủ nước (0,5 điểm), giấy vệ sinh (1 điểm), xà phòng rửa tay (1 điểm) và lối đi sạch sẽ, sàn không ướt (1 điểm). Hồ tiêu, hố tiêu đáp ứng đủ cho số lượng học sinh sử dụng, không có mùi hôi (1 điểm). Chọn trồng một số cây cảnh xung quanh để tạo cảm giác nhẹ nhàng (0,5 điểm). Chọn hình ảnh (0,5 điểm), âm thanh tuyên truyền (2 điểm): cấp TH, THCS với tất cả các khu vệ sinh; cấp MN: quan tâm trang trí các khu vệ sinh chung để nâng cao ý thức sử dụng, bảo quản, tạo khung cảnh thân thiện cho người sử dụng.	8	8	Phòng GDDT	
IV. Đảm bảo trường học “đẹp”:					
	15 điểm	15 điểm		GDDT + TTP/QĐ	
11.	Các phương tiện của CBGVNV-HS (1 điểm) và khách đến trường (1 điểm) được sắp xếp gọn gàng, đúng theo quy định.	2	2		Trung tâm Phát triển Quỹ đất
12.	Chỉnh trang, làm mới mặt tiền nhà trường (phù hợp thực tế)	2	2		
13.	Làm đẹp các gốc cây trong khuôn viên nhà trường (phù hợp thực tế)	1	1		

14.	Lớp học và các phòng bộ môn, phòng chức năng có đủ ánh sáng (1 điểm); đủ bàn ghế theo quy định (1 điểm). (Phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng có bóng điện hồng chưa thay thế kịp thời trừ 0,5 điểm/phòng)	2	2		Phòng GDDT
15.	Trang trí lớp học thân thiện, sáng tạo, phát triển hứng thú cho HS yêu trường, yêu lớp, có ý thức giữ gìn trường lớp sạch đẹp và học tập tích cực. (Mỗi lớp học không được trang trí hoặc trang trí không phù hợp lứa tuổi trừ 0,5 điểm)	2	2		Phòng GDDT
16.	Giáo dục HS có ý thức bảo vệ cơ sở vật chất: không leo trèo, viết vẽ bằn lên bàn ghế (1 điểm), tường (1 điểm), lan can (1 điểm); khuôn viên nhà trường được bố trí khoa học, nghệ thuật (1 điểm); bảo quản, sử dụng đồ dùng trong lớp (1 điểm) và của nhà trường (1 điểm) hiệu quả. (HS viết, vẽ bằn lên bàn ghế, tường trừ 0,5 điểm / lớp - khu vực. Đồ dùng trong lớp không được sắp xếp gọn gàng trừ 0,5 điểm/lớp)	6	6		Phòng GDDT
V. Đảm bảo trường học “văn minh”:					
	Thực hiện văn hóa chào hỏi trong và ngoài nhà trường “khoanh tay – mỉm cười – cúi chào” phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (cấp học Mầm non với các lớp Mẫu giáo):	15 điểm	15 điểm		VHTT + GDDT
17.	- Xây dựng và triển khai kế hoạch tới toàn thể CBGVNV-HS và CMHS nhà trường (1 điểm) - Đa dạng các hình thức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện (1 điểm) - 100% các lớp triển khai thực hiện đúng hướng dẫn (1 điểm) - 100% học sinh thực hiện với cử chỉ, thái độ, động tác, lời chào ... phù hợp (1 điểm) - 100% CBGVNV thực hiện với cử chỉ, thái độ, động tác, lời chào ... phù hợp (1 điểm)	5	5		Phòng GDDT
18.	Rà soát, hoàn thiện, ban hành và triển khai bộ quy tắc ứng xử theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Thành phố Hà Nội; các chuẩn mực văn hóa, hệ giá trị cốt lõi để sử dụng tại nhà trường (theo nội dung kế hoạch 335/KH-UBND ngày 25/9/2020 của UBND quận Long Biên về thực hiện đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2020-2025”).	1	1		Phòng VHTT
19.	Trang trí bằng rôn, khẩu hiệu đúng thời điểm với các nội dung mang tính giáo dục cao, phù hợp với văn hóa giáo dục của địa phương ở các vị trí trung tâm của trường.	1	1		Phòng VHTT
20.	Thực hiện “Quy tắc ứng xử nơi công cộng” trên địa bàn thành phố Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội), trọng tâm là các nội dung sau: - GV hiểu và chia sẻ với hoàn cảnh của HS, quan tâm, gần gũi, giúp đỡ các em, thường xuyên sử	4	4		Phòng VHTT

	đúng các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực phù hợp tâm sinh lí lứa tuổi học sinh (1 điểm). HS với HS đoàn kết, không phân biệt giới tính, dân tộc, hoàn cảnh (0,5 điểm). CBGVNV ứng xử lịch thiệp, thân thiện, nhã nhặn, đúng mực (1 điểm). Không khí học tập, lao động thân thiện; mọi thành viên trong trường học, lớp học được yêu thương, được tôn trọng và được đảm bảo an toàn. (1 điểm) - CBGVNV-HS tự giác chấp hành luật giao thông, có thái độ hành vi ứng xử văn minh thân thiện khi tham gia giao thông (0,5 điểm).				
21.	<i>Thực hiện "Quy tắc ứng xử của cán bộ công chức, viên chức, người lao động" trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND thành phố Hà Nội) và Thông tư số 06/2019/TT-BGDDT ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trong tâm là các nội dung sau:</i> - Trang phục của CBGVNV-HS gọn gàng, lịch sự, màu sắc hài hòa. Đồng phục CBGVNV, HS có thể thực hiện theo một số ngày, theo mùa; được CMHS và nhân dân đồng tình ủng hộ (0,5 điểm). - Thực hiện các biện pháp phòng chống tác hại thuốc lá; không hút thuốc lá tại cơ quan, phòng làm việc (1 điểm) - Không có hành vi quấy rối người khác dưới mọi hình thức như lời nói, hành động, cử chỉ, tin nhắn, môi trường mạng.... Không tham gia, xúc giục, kích động hoặc bao che các hành vi vi phạm pháp luật của người khác (1 điểm). - Giao tiếp, làm việc với người dân bằng thái độ niềm nở, tận tình, trách nhiệm; không gây căng thẳng, bức xúc, dọa nạt người dân (1 điểm). - Nghiêm túc nhận lỗi, nhận khuyết điểm, thành khẩn tự phê bình, rút kinh nghiệm khi để xảy ra sai sót (0,5 điểm).	4	4		Phòng VH TT
VI. Xây dựng "trường học an toàn":					
		30 điểm	30 điểm		
	1. Môi trường nhà trường và phát triển cá nhân:	10	10		GDDT
22.	Không xảy ra các hiện tượng vi phạm đạo đức nhà giáo và bạo lực học đường. (Có hiện tượng vi phạm đạo đức nhà giáo hoặc bạo lực học đường trừ 2 điểm/lần)	2	2		Phòng GDDT
23.	Tất cả các vị trí trong nhà trường và ngoài cổng trường không gây mất an toàn cho học sinh.	2	2		Phòng GDDT

<i>(Mỗi vị trí không an toàn trừ 1 điểm)</i>				
24.	100% học sinh có hoàn cảnh đặc biệt (về tinh thần, sức khỏe, kinh tế) đều được quan tâm, chia sẻ, động viên và hỗ trợ; 100% HS thực hiện tốt những quy định của nhà trường về nề nếp kỉ luật (<i>Kém 1% trừ 0,25 điểm</i>)	1	1	Phòng GD&ĐT
25.	Chăm sóc học sinh bán trú theo nhu cầu và phục vụ tại căng tin của nhà trường (nếu có) đảm bảo an toàn, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm – với cấp TH, THCS (2 điểm); dinh dưỡng tốt – với cấp MN (2 điểm): Tỉ lệ chất P-L-G cân đối theo quy định (sổ tính khẩu phần ăn): 0,5 điểm. Sổ sách nuôi dưỡng ghi chép cập nhật theo quy định: 0,5 điểm. Sử dụng phần mềm để xây dựng thực đơn; thực đơn khoa học (đa dạng thực phẩm, không trùng lặp các ngày trong tuần...): 0,5 điểm. Kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, riêng biệt: 0,5 điểm	2	2	Phòng GD&ĐT
26.	CBGVNV thường xuyên sử dụng các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực. Chú trọng phát huy vai trò của công tác tư vấn học đường.	1	1	Phòng GD&ĐT
27.	Nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, nội dung đối thoại tại cơ sở giáo dục (thực hiện theo điều 17 Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT).	2	2	Phòng GD&ĐT
	2. Dạy và học:	10	10	GD&ĐT
28.	Mọi hoạt động liên quan đến dạy và học, đến công tác quản lí đều được bàn bạc, cõi mở, lắng nghe, thấu hiểu và đối thoại tích cực. (<i>Có minh chứng</i>)	1	1	Phòng GDDT
29.	Hoàn thành kế hoạch tổ chức các chuyên đề chuyên môn của trường (tính đến thời điểm kiểm tra).	1	1	Phòng GDDT
30.	Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy, giáo dục học sinh (hoặc chăm sóc trẻ Mầm non)	1	1	Phòng GDDT
31.	Thực hiện đúng quy định về giao bài tập về nhà và kiểm tra, đánh giá học sinh.	1	1	Phòng GDDT
32.	100% học sinh tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng lực cá nhân. (<i>Kém 1% trừ 0,25 điểm</i>)	1	1	Phòng GDDT
33.	Thành lập và duy trì mô hình “Các trường học cùng nhau phát triển” hoặc các nhóm “Nhà giáo cùng phát triển” ngay từ các tổ chuyên môn để có thể hỗ trợ nhau khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	1	1	Phòng GDDT

34.	Thực hiện các nội dung giáo dục nếp sống thanh lịch - văn minh, kĩ năng sống (1 điểm), giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích (1 điểm), phòng chống bạo lực học đường (1 điểm)... phù hợp mục tiêu giáo dục.	3	3		Phòng GDEDT
35.	Đạt chỉ tiêu kế hoạch của năm học về công tác dạy và học (<i>Kém 1% trừ 0,25 điểm</i>)	1	1		Phòng GDEDT
	3. Các mối quan hệ trong và ngoài nhà trường	10	9		Nội vụ
36.	Thực hiện phân công nhiệm vụ cho CBGVNV-HS trong trường công bằng, hợp lí, công khai, minh bạch đáp ứng khung năng lực vị trí việc làm và phù hợp với điều kiện, năng lực cá nhân.	1	1		Phòng Nội vụ
37.	Đảm bảo đoàn kết nội bộ, không có trường hợp CBGVNV bức xúc, căng thẳng dẫn đến có ý kiến phản ánh lên các cấp quản lí.	2	2		Phòng Nội vụ
38.	CMHS không phản hồi tiêu cực làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình, ảnh hưởng đến uy tín giáo dục của nhà trường và thầy cô giáo. (Bộ chỉ số đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với trường học và các minh chứng khác)	2	2		Phòng Nội vụ
39.	Phối hợp tốt với địa phương và các lực lượng liên quan trong công tác giáo dục học sinh (Bộ chỉ số đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với trường học và các minh chứng khác)	2	2		Phòng Nội vụ
40.	Nhà trường có bài viết hoặc gương điển hình về người tốt, việc tốt (1 điểm), được Quận khen thưởng (1 điểm).	2	1		Phòng Nội vụ
41.	Tạo điều kiện cho CBGVNV nhà trường thực hiện kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	1	1		Phòng Nội vụ
Tổng số điểm		100 điểm	98 điểm		

Ghi chú: - Các nội dung không gọi ý thêm cứ 1 lần vi phạm trừ hết điểm của nội dung đó.

- Các trường được xét công nhận đạt tiêu chí “nhà trường xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn” theo 3 mức: Mức 1 đạt 98 điểm trở lên; Mức 2 đạt 95 đến dưới 98 điểm; Mức 3 đạt 90 đến dưới 95 điểm.

Nhà trường tự đánh giá: 98 điểm, đạt mức 1

UBND Quận đánh giá:..... điểm, đạt mức ...

